

Số: /2023/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi đua khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;
Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;
Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1120/TTr-SKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số

13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2023 và thay thế Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VP6,1,2,7.

TN_VP6_38.QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Quang Thìn

QUY ĐỊNH

Chi tiết và hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2023/QĐ-UBND
ngày tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về: nguyên tắc công nhận sáng kiến; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học; thẩm quyền, yêu cầu công nhận sáng kiến, xét công nhận sáng kiến; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học; hội đồng đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, chiến sỹ thi đua toàn quốc và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các nội dung khác không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ SÁNG KIẾN
VÀ TỔ CHỨC XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 3. Tác giả và đồng tác giả sáng kiến

1. Tác giả sáng kiến là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến.

2. Người đứng tên nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến là tác giả sáng kiến hoặc đồng tác giả sáng kiến (*sau đây gọi chung là tác giả*).

Điều 4. Thẩm quyền xét công nhận sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 7 của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước hỗ trợ kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP; quy trình, hồ sơ thực hiện xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến do Nhà nước đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 5. Yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Để thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến, tác giả sáng kiến xây dựng Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Điều lệ Sáng kiến và khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến (*quy định tại khoản 2 Điều 5 của Điều lệ Sáng kiến*): Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày giải pháp được đưa vào áp dụng lần đầu, nếu giải pháp trải qua các lần áp dụng thử thì tính từ ngày áp dụng thử lần đầu tiên.

3. Tác giả sáng kiến nộp Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến tại các cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Điều lệ Sáng kiến và Điều 2 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

4. Cơ sở khi nhận được Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm tiếp nhận và xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Điều lệ Sáng kiến và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

5. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét đơn và thông báo cho tác giả kết quả xem xét đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 6. Xét công nhận sáng kiến

1. Cơ sở tiếp nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm đánh giá giải pháp nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Điều lệ Sáng kiến và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN. Kết quả đánh giá phải thể hiện bằng văn bản.

2. Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày chấp nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc từ ngày hoàn thành việc áp dụng lần đầu, nếu sáng kiến được áp dụng lần đầu sau khi đơn được chấp nhận.

3. Hội đồng sáng kiến: Do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến thành lập, thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và được hướng dẫn cụ thể tại Điều 8 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến thực hiện theo quy định của Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến và các quy định hiện hành khác.

4. Trong quá trình xét công nhận sáng kiến, cơ sở có thể công bố công khai giải pháp sáng kiến (*trừ các thông tin cần giữ bí mật theo yêu cầu của tác giả*), nếu không có ý kiến phản đối của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào khác thì đối với những giải pháp đủ điều kiện công nhận là sáng kiến, người đứng đầu cơ sở phải có trách nhiệm ban hành quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

Chương III

ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 7. Đối tượng đề nghị đánh giá, công nhận

Đối tượng được đề nghị đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là sáng kiến và đề tài nghiên cứu khoa học, đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 12/2019/TT-BNV, cụ thể:

1. Sáng kiến đã được công nhận tại cơ sở.
2. Đề tài nghiên cứu khoa học đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiệm thu ở mức “Đạt” trở lên.

Điều 8. Thẩm quyền đánh giá, công nhận và thực hiện đánh giá, công nhận

1. Thẩm quyền đánh giá, công nhận

Việc đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng (*gọi tắt là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị*) xem xét, công nhận.

2. Thực hiện đánh giá, công nhận

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thành lập Hội đồng theo khoản 9 Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP để giúp mình thực hiện việc đánh giá, công nhận kết quả về hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền của mình. Kết quả công nhận phải được thể hiện bằng quyết định công nhận.

b) Kết quả công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở”, “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định các mức “Đạt” và mức “Không đạt”.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở” có trách nhiệm thành lập Hội đồng đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và ban hành hướng dẫn hoạt động của Hội đồng đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học. Căn cứ kết quả công nhận về hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở”.

4. Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Chương IV

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA SÁNG KIẾN, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU CHIẾN SỸ THI ĐUA CẤP TỈNH, CHIẾN SỸ THI ĐUA TOÀN QUỐC VÀ CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG THEO QUY ĐỊNH

Điều 9. Hội đồng đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, chiến sỹ thi đua toàn quốc và các hình thức khen thưởng theo quy định (sau đây gọi tắt là Hội đồng)

1. Hội đồng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, tham mưu và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của các

tổ chức, cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, chiến sỹ thi đua toàn quốc và các hình thức khen thưởng theo quy định.

2. Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức đánh giá khách quan, thực chất về hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và được phép đề nghị với cơ quan, tổ chức hoặc thuê chuyên gia có chuyên môn về lĩnh vực sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để thẩm định, tư vấn khi cần thiết.

3. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học là đối tượng được đánh giá, công nhận.

Điều 10. Thành phần của Hội đồng

1. Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Một Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

3. Một Phó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

4. Các Ủy viên: Tùy từng lĩnh vực áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học, mời các ngành liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học và các thành phần khác có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học là ủy viên Hội đồng.

5. Tổ Thư ký giúp việc gồm:

a) Thư ký Hội đồng: Là thành viên Hội đồng, đồng thời là Lãnh đạo phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Thư ký hành chính: Công chức phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng:

a) Chủ tịch Hội đồng điều hành các hoạt động của Hội đồng; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Hội đồng; đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Chủ tịch Hội đồng triệu tập và chủ trì các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì.

c) Chỉ đạo xây dựng, sửa đổi quy định về tiêu chí đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đảm bảo phù hợp thực tế.

d) Ký, ban hành các văn bản của Hội đồng.

đ) Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh hoặc người được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền ký quyết định công nhận về hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu.

e) Đề xuất các chủ trương, kế hoạch hoạt động của Hội đồng và hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện.

g) Thực hiện các công việc khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng:

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng theo ngành, lĩnh vực quản lý.

b) Được ký một số văn bản của Hội đồng và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền.

c) Chịu trách nhiệm thẩm định, đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của các sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực mình phụ trách.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng giao.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của ủy viên Hội đồng:

a) Các thành viên của Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng về nhiệm vụ được giao.

b) Các thành viên Hội đồng tham dự đầy đủ các kỳ họp, trường hợp không tham dự được phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

c) Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác họp xét, đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

d) Nghiên cứu tài liệu để đóng góp ý kiến về những vấn đề sẽ đưa ra thảo luận và quyết nghị tại các phiên họp Hội đồng.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ thư ký:

a) Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu cần thiết phục vụ cho các kỳ họp của Hội đồng.

b) Gửi tài liệu cho các thành viên Hội đồng trước ngày họp ít nhất 02 ngày đối với các cuộc họp định kỳ; trước 1/2 ngày đối với cuộc họp đột xuất để các thành viên Hội đồng nghiên cứu và chuẩn bị.

c) Ghi biên bản nội dung của từng cuộc họp Hội đồng và tổng hợp kết quả.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thường trực và cơ quan phối hợp giúp việc Hội đồng

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thường trực

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực Hội đồng, được sử dụng con dấu của Sở để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng và thực hiện nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Hướng dẫn hoạt động của Hội đồng đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” và các hình thức khen thưởng theo quy định.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng hồ sơ đề nghị xét, đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học ở cấp tỉnh.

c) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, phân loại sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học; tham mưu thành lập Hội đồng tổ chức đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học theo lĩnh vực chuyên ngành.

d) Được sử dụng cán bộ, phương tiện do đơn vị mình quản lý để thực hiện nhiệm vụ được giao; khảo sát thực tế (*trong trường hợp cần thiết*) để xem xét những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của Hội đồng.

đ) Hoàn thiện thủ tục, hồ sơ đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học theo kết luận của Hội đồng, trình cấp có thẩm quyền ban hành.

e) Tham mưu tổ chức họp Hội đồng định kỳ và đột xuất; đảm bảo các điều kiện để Hội đồng họp. Hoàn chỉnh và lưu trữ đầy đủ hồ sơ của các phiên họp.

f) Xây dựng dự toán kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp giúp việc Hội đồng

Cơ quan phối hợp giúp việc Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học là các sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND các huyện, thành phố, cơ quan có liên quan trên địa bàn tỉnh và thực hiện nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng hồ sơ đề nghị xét, đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực quản lý.

b) Cử cán bộ, công chức tham gia thành viên Hội đồng.

c) Thành lập Tổ tư vấn giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị thẩm định, đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của các sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực, địa phương quản lý.

d) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng về kết quả thẩm định, đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của các sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực, địa phương quản lý.

đ) Được sử dụng cán bộ, phương tiện do đơn vị mình quản lý để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 13. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, biểu quyết bằng giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Quyết định của Hội đồng được thông qua khi có trên 50% ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng.

2. Trong trường hợp tỷ lệ biểu quyết ngang nhau thì quyền quyết định thuộc về Chủ tịch Hội đồng, các ý kiến khác của thành viên Hội đồng được bảo lưu.

Điều 14. Phương thức hoạt động của Hội đồng

Hội đồng hoạt động thông qua các kỳ họp của Hội đồng. Hội đồng họp 02 kỳ trong năm vào tháng 7 và tháng 12 hàng năm hoặc họp đột xuất tùy thuộc vào điều kiện thực tế Chủ tịch Hội đồng quyết định thời gian họp phù hợp. Họp thường kỳ của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự. Họp đột xuất phải có trên 50% số thành viên của Hội đồng tham dự.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Nội dung và mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng sáng kiến; Hội đồng đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh

1. Nội dung và mức chi họp Hội đồng sáng kiến thực hiện theo quy định của Thông tư số 03/2019/TT-BTC.

2. Nội dung và mức chi họp Hội đồng đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các chi phí khác phục vụ hoạt động đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được thanh toán theo chứng từ thực tế phát sinh và các quy định hiện hành.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các biện pháp nhằm thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN; xây dựng báo cáo kết quả hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, chấp hành pháp luật về sáng kiến tại các tổ chức, cơ sở thuộc đối tượng của Quy định này; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, của tổ chức và cá nhân trong hoạt động sáng kiến. Trong trường hợp cần thiết, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan tổ chức kiểm tra, xác minh việc áp dụng sáng kiến ở cơ sở đối với các giải pháp đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp tổ chức, chỉ đạo và quản lý hoạt động sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học; nhân rộng các sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học có giá trị thực tiễn đến các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu và áp dụng.

b) Kiến nghị với Sở Khoa học và Công nghệ các biện pháp để triển khai việc thi hành các cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động sáng kiến và lập kế hoạch, tổ chức thực hiện để phát triển hoạt động sáng kiến.

c) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách của Nhà nước và của tỉnh về hoạt động sáng kiến, nghiên cứu khoa học. Chỉ đạo tổ chức triển khai nhân rộng các sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được cấp có thẩm quyền công nhận nhằm khuyến khích phong trào lao động, phát huy sáng kiến, nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân trong cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

3. Hằng năm, trước ngày 15 tháng 01, các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm báo cáo và cung cấp thông tin về hoạt động sáng kiến của cơ quan, đơn vị mình cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ. Số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm trước. Mẫu báo cáo tại Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Các sở, ban, ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh rà soát các quy chế, hướng dẫn có liên quan đến hoạt động sáng kiến do cơ quan, đơn vị mình đã ban hành, kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, xây dựng quy chế, hướng dẫn mới để phù hợp với Quy định này.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo chức năng, nhiệm vụ, căn cứ vào Quy định này xây dựng quy chế, hướng dẫn thực hiện việc đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.